

PHỤ LỤC

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày / /2025 của UBND xã Long Phụng)

DVT: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư/Tổng giá trị quyết toán					Kế hoạch năm 2025			Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)					Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	NSTW, NST	NS H	NS xã	Vốn huy động hợp pháp	Tổng số	Vốn ngân sách xã	Vốn đóng góp	Tổng cộng	Vốn ngân sách xã		Vốn đóng góp		Tổng số	Vốn ngân sách xã	Vốn đóng góp	
														Tăng (+)	Giảm (-)	Tăng (+)	Giảm (-)				
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	Tổng cộng				14.350,2	4.684,7	2.870,8	1.728,3	3.230,9	2.657,2	456,6	2.200,6	38,4	130,0	-	60,0	(151,6)	2.695,6	586,6	2.109,0	-
A	Công trình thủy lợi				1.394,8	1.268,6	46,1	80,1	-	80,1	-	80,1	-	-	-	-	-	80,1	-	80,1	
I	Dự án chuyển tiếp				934,0	900,0	-	34,0	-	34,0	-	34,0	-	-	-	-	-	34,0	-	34,0	
1	KCH tuyến kênh S18-24	UBND xã Long Phụng	Thôn 2, 3	2024-2025	934,0	900,0		34,0	-	34,0		34,0	-					34,0		34,0	
II	Dự án khởi công mới năm 2025				460,8	368,6	46,1	46,1	-	46,1	-	46,1	-	-	-	-	-	46,1	-	46,1	
1	KCH kênh nhị cầu cát Trước Viên - Ngõ Hàng	UBND xã Long Phụng	Thôn 1	2025	460,8	368,6	46,1	46,1		46,1		46,1	-					46,1		46,1	
B	Công trình giao thông				9.998,2	2.708,6	2.673,1	1.648,2	3.079,3	479,0	456,6	22,4	190,0	130,0	-	60,0	-	669,0	586,6	82,4	
I	Dự án trả nợ				753,7	522,0	86,0	63,4	82,3	22,4	-	22,4	60,0	-	-	60,0	-	82,4	-	82,4	
1	Đường BTXM tuyến Đường tỉnh 627B-Lê Tuấn Định	UBND xã Long Phụng	Thôn Gia Hòa	2.024	71,9	20,0	26,0	15,6	10,4	10,4		10,4	-					10,4		10,4	
2	Đường BTXM tuyến Đường tỉnh 627B-Nguyễn Văn Minh	UBND xã Long Phụng	Thôn Gia Hòa	2.024	81,8	22,0	30,0	17,9	11,9	12,0		12,0	-					12,0		12,0	
4	KCH Kênh S18-2-5A1 - Đồng Gò	UBND xã Long Phụng	Thôn 6	2.017	600,0	480,0	30,0	30,0	60,0				60,0			60,0		60,0		60,0	
II	Dự án chuyển tiếp				1.462,2	458,2	558,4	445,5	111,0	456,6	456,6	-	-	-	-	-	-	456,6	456,6	-	
1	Đường huyện - Ngõ Phu	UBND xã Long Phụng	Thôn 6	2.024	71,5	22,0	27,5	22,0	5,5	22,0	22,0		-					22,0	22,0		
2	Ngõ Hồng - Biện Tấn Nghiệp	UBND xã Long Phụng	Thôn 5	2.024	248,1	78,2	94,4	75,5	18,9	75,5	75,5		-					75,5	75,5		
3	Ngõ Ban - Đường bê tông	UBND xã Long Phụng	Thôn 2	2.024	69,8	22,0	26,6	21,2	5,3	21,3	21,3		-					21,3	21,3		
4	Tuyến Ngõ Tồn - Bờ Sóng	UBND xã Long Phụng	Thôn 2	2.024	82,8	25,7	31,6	25,5	6,1	25,6	25,6		-					25,6	25,6		
5	Tuyến Ngõ Tròn- Ngõ Hùng	UBND xã Long Phụng	Thôn 8	2.024	82,8	25,7	31,6	25,5	6,1	42,2	42,2		-					42,2	42,2		
6	Tuyến Nghĩa Trang liệt sĩ- Ngõ Trịnh Ảnh	UBND xã Long Phụng	Thôn 5	2.024	461,7	144,2	176,4	141,1	35,3	141,1	141,1		-					141,1	141,1		
7	Tuyến Ngõ Sinh - Ngõ Đài	UBND xã Long Phụng	Thôn 7	2.024	101,8	31,8	38,9	31,1	7,8	31,1	31,1		-					31,1	31,1		
8	Tuyến Ngõ Hòa - Ngõ Sơn	UBND xã Long Phụng	Thôn 6	2.024	98,7	30,8	37,7	30,2	7,5	30,2	30,2		-					30,2	30,2		
9	Tuyến QL1A - Dinh Ông	UBND xã Long Phụng	Thôn 2	2.024	63,9	20,1	24,3	19,6	4,7	19,6	19,6		-					19,6	19,6		
10	Tuyến Ngõ Tấn - Ngõ Lộc	UBND xã Long Phụng	Thôn 3	2.024	119,1	37,4	45,4	36,3	9,1	36,4	36,4		-					36,4	36,4		
11	QL 1A - Ngõ Có	UBND xã Long Phụng	Thôn 2	2024-2025	62,1	20,4	24,3	17,5	4,9	11,6	11,6		-					11,6	11,6		
III	Dự án khởi công mới năm 2025 (đường GTNT theo cơ chế xi măng)				7.782,3	1.728,4	2.028,7	1.139,2	2.886,0	-	-	-	130,0	130,0	-	-	-	130,0	130,0	-	
1	Đường BTXM ngõ, xóm thôn An Tĩnh	UBND xã Long Phụng	Thôn An Tĩnh	2.025	116,3	21,6	28,4	28,4	37,9				5,0	5,0				5,0	5,0		

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư/Tổng giá trị quyết toán					Kế hoạch năm 2025			Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú	
					Tổng số	NSTW, NST	NS H	NS xã	Vốn huy động hợp pháp	Tổng số	Vốn ngân sách xã	Vốn đóng góp	Tổng cộng	Vốn ngân sách xã		Vốn đóng góp		Tổng số	Vốn ngân sách xã		Vốn đóng góp
														Tăng (+)	Giảm (-)	Tăng (+)	Giảm (-)				
2	Đường BTXM ngõ, xóm thôn Gia Hòa	UBND xã Long Phụng	Thôn Gia Hòa	2.025	215,9	42,6	52,0	52,0	69,3				5,0	5,0				5,0	5,0		
3	Đường BTXM ngõ, xóm thôn Dương Quang	UBND xã Long Phụng	Thôn Dương Quang	2.025	215,5	43,7	51,5	51,5	68,8				5,0	5,0				5,0	5,0		
4	Đường BTXM ngõ, xóm thôn Thanh Long	UBND xã Long Phụng	Thôn Thanh Long	2.025	117,8	24,2	28,1	28,1	37,4				5,0	5,0				5,0	5,0		
5	Đường BTXM ngõ, xóm thôn Mỹ Khánh	UBND xã Long Phụng	Thôn Mỹ Khánh	2.025	285,5	58,9	68,0	68,0	90,6				5,0	5,0				5,0	5,0		
6	Đường BTXM tuyến Đ.tỉnh - Phan Trinh thôn Tân Định	UBND xã Long Phụng	Thôn Tân Định	2.025	49,0	9,0	12,0	12,0	16,0				5,0	5,0				5,0	5,0		
7	Đường BTXM trục chính nội đồng thôn Tân Định (GD1)	UBND xã Long Phụng	Thôn Tân Định	2.025	603,5	134,5	140,7	140,7	187,6				5,0	5,0				5,0	5,0		
8	Đường BTXM trục chính nội đồng thôn Gia Hòa (GD1)	UBND xã Long Phụng	Thôn Gia Hòa	2.025	200,7	44,7	46,8	46,8	62,4				5,0	5,0				5,0	5,0		
9	Đường BTXM trục chính nội đồng thôn An Tinh (GD1)	UBND xã Long Phụng	Thôn An Tinh	2.025	404,7	69,0	100,7	100,7	134,3				5,0	5,0				5,0	5,0		
10	Đường BTXM trục chính nội đồng tuyến Bà Thanh - Mẫu Tâm thôn An Mô	UBND xã Long Phụng	Thôn An Mô	2.025					39,5				5,0	5,0				5,0	5,0		
					127,0	28,3	29,6	29,6													
11	Công trình: Bê tông xi măng đường ngõ xóm thôn Phú An	UBND xã Long Phụng	Thôn Phú An	2.025	336,6	76,8	77,9	52,0	129,9				5,0	5,0				5,0	5,0		
12	Công trình: Bê tông xi măng đường ngõ xóm thôn Phước Sơn	UBND xã Long Phụng	Thôn Phước Sơn	2.025	896,7	95,5	240,4	160,2	400,6				5,0	5,0				5,0	5,0		
13	Công trình: Bê tông xi măng đường ngõ xóm thôn Nghĩa Lập	UBND xã Long Phụng	Thôn Nghĩa Lập	2.025	189,7	42,6	44,1	29,5	73,5				5,0	5,0				5,0	5,0		
14	Công trình: Đường BTXM thôn 1	UBND xã Long Phụng	Thôn 1	2.025	665,9	193,0	236,5	118,2	118,2				5,0	5,0				5,0	5,0		
15	Công trình: Đường BTXM thôn 2	UBND xã Long Phụng	Thôn 2	2.025	255,8	74,2	90,8	45,4	45,4				5,0	5,0				5,0	5,0		
16	Công trình: Đường BTXM thôn 6	UBND xã Long Phụng	Thôn 6	2.025	392,4	113,7	139,3	69,7	69,7				5,0	5,0				5,0	5,0		
17	Công trình: Đường BTXM thôn 8	UBND xã Long Phụng	Thôn 8	2.025	96,3	27,9	34,2	17,1	17,1				5,0	5,0				5,0	5,0		
18	Tỉnh lộ - Ngõ Tấn	UBND xã Long Phụng	Thôn 4	2.025	88,1	25,6	31,3	15,6	15,6				5,0	5,0				5,0	5,0		
19	Đường bê tông - Ngõ Hải	UBND xã Long Phụng	Thôn 6	2.025	26,7	6,4	6,1	0,8	13,4				5,0	5,0				5,0	5,0		
20	Đường huyện - Ngõ Nghĩa	UBND xã Long Phụng	Thôn 2	2.025	27,7	6,6	6,3	0,8	14,0				5,0	5,0				5,0	5,0		
21	Công trình: Đường BTXM ngõ xóm thôn 1	UBND xã Long Phụng	Thôn 1	2.025	611,0	146,3	139,2	17,8	307,7				5,0	5,0				5,0	5,0		
22	Công trình: Đường BTXM ngõ xóm thôn 3	UBND xã Long Phụng	Thôn 3	2.025	156,5	37,2	35,8	4,6	78,9				5,0	5,0				5,0	5,0		
23	Công trình: Đường BTXM ngõ xóm thôn 4	UBND xã Long Phụng	Thôn 4	2.025	249,7	59,6	57,0	7,3	125,8				5,0	5,0				5,0	5,0		
24	Công trình: Đường BTXM ngõ xóm thôn 5	UBND xã Long Phụng	Thôn 5	2.025	256,0	60,6	58,6	7,5	129,3				5,0	5,0				5,0	5,0		
25	Công trình: Đường BTXM ngõ xóm thôn 7	UBND xã Long Phụng	Thôn 7	2.025	1.029,2	246,1	234,9	30,0	518,2				5,0	5,0				5,0	5,0		
26	Công trình: Đường BTXM ngõ xóm thôn 8	UBND xã Long Phụng	Thôn 8	2.025	168,1	39,8	38,5	4,9	84,9	Page 2			5,0	5,0				5,0	5,0		

TT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư/Tổng giá trị quyết toán					Kế hoạch năm 2025			Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)					Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	NSTW, NST	NS H	NS xã	Vốn huy động hợp pháp	Tổng số	Vốn ngân sách xã	Vốn đóng góp	Tổng cộng	Vốn ngân sách xã		Vốn đóng góp		Tổng số	Vốn ngân sách xã	Vốn đóng góp	
														Tăng (+)	Giảm (-)	Tăng (+)	Giảm (-)				
C	CÔNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP				1.946,5	-	-	-	-	1.946,5	-	1.946,5	-	-	-	-	-	1.946,5	-	1.946,5	
1	Dồn điền, đổi thửa và chỉnh trang đồng ruộng có thu hồi đất dự thửa tại xứ đồng Bắc Cu Ra, xã Đức Nhuận	UBND xã Long Phụng	Thôn 5	2023-2025	1.946,5					1.946,5		1.946,5	-					1.946,5		1.946,5	
D	Công trình văn hóa				1.010,7	707,5	151,6	-	151,6	151,6	-	151,6	(151,6)	-	-	-	(151,6)	-	-	-	-
I	Dự án khởi công mới năm 2025				1.010,7	707,5	151,6	-	151,6	151,6	-	151,6	(151,6)	-	-	-	(151,6)	-	-	-	-
1	Sửa chữa nâng cấp các điểm sinh hoạt văn hóa tại nhà văn hóa thôn, xã Đức Nhuận	UBND xã Long Phụng		2025	1.010,7	707,5	151,6		151,6	151,6		151,6	(151,6)				(151,6)	-			